



Bài báo nghiên cứu

**THỰC TRẠNG VẬN DỤNG DẠY HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN
Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Dương Gia Thịnh, Trương Ngọc Khánh Vy, Bùi Hải Ngân,
Trịnh Thị Phương Dung, Nguyễn Hà Anh Lan*, Đặng Huyền Trân, Tống Xuân Tâm**
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Hà Anh Lan – Email: lannguyenha2000@gmail.com*

Ngày nhận bài: 18-4-2024; ngày nhận bài sửa: 21-5-2024; ngày duyệt đăng: 22-5-2024

TÓM TẮT

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 168 giáo viên (GV) và 944 học sinh (HS) để điều tra thực trạng vận dụng dạy học dựa trên dự án (DHDTDA) ở các trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh. Qua khảo sát, nhóm nghiên cứu nhận thấy có sự chênh lệch giữa tỉ lệ HS biết DHDTDA thông qua các tiết học và tỉ lệ GV ứng dụng DHDTDA vào giảng dạy. Tuy nhiên, cả GV và HS đều có nhận thức đúng về DHDTDA và cùng chung quan điểm về những khó khăn khi vận dụng hình thức dạy học này ở trường phổ thông. Cả hai đối tượng đều đánh giá cao vai trò của DHDTDA trong việc phát triển năng lực của người học mà được quan tâm nhất là các năng lực thuộc nhóm năng lực chung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kết quả của nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các biện pháp khắc phục khó khăn và tổ chức hiệu quả DHDTDA trong trường phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu của thời đại.

Từ khóa: phát triển năng lực; trung học phổ thông; phương pháp dạy học; dạy học dựa trên dự án

1. Giới thiệu

Năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học (Ministry of Education and Training, 2018). Chương trình đặt ra yêu cầu về sự thay đổi mạnh mẽ trong phương pháp dạy học nhằm đạt được mục tiêu của từng bài học cũng như sự phát triển của người học (Dinh, 2016). Người GV không còn là người cầm tay chỉ việc, mà chỉ đóng vai trò hướng dẫn, giúp đỡ HS đạt được kiến thức và nắm vững kỹ năng của bài học (Nguyen & Tran, 2020; Dinh, 2016).

Hiện nay, nhiều phương pháp dạy học mới được ứng dụng rộng rãi trong các cơ sở

Cite this article as: Duong Gia Thinh, Truong Ngoc Khanh Vy, Bui Hai Ngan, Trinh Thi Phuong Dung, Nguyen Ha Anh Lan, Dang Huyen Tran, & Tong Xuan Tam (2024). A study on the application of project-based learning in high schools in Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(5), 849-858.

giáo dục, trong đó có thể kể đến dạy học dựa trên dự án (Trinh et al., 2011). DHDTDA yêu cầu người học thực hiện một dự án (bài tập tình huống) dưới sự hướng dẫn của GV, qua đó tiếp thu kiến thức và lĩnh hội kỹ năng, đáp ứng yêu cầu lấy hoạt động của HS làm trung tâm trong chương trình phổ thông mới (Kokotsaki et al., 2016; Lavli & Efendi, 2024).

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra thực trạng sử dụng DHDTDA ở nhóm các môn Khoa học Tự nhiên (KHTN) tại các trường trung học phổ thông (THPT) ở Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) nhằm xác định mức độ sử dụng; nhận thức về vai trò, khó khăn của hình thức dạy học này trên đối tượng là GV và HS. Kết quả của nghiên cứu này làm cơ sở thực tiễn nhằm đề xuất một số biện pháp nhằm khắc phục khó khăn nội tại, tạo cơ hội để vận dụng DHDTDA hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi

Xây dựng phiếu hỏi cho hai nhóm đối tượng là GV và HS. Sử dụng bảng hỏi, các câu hỏi được thiết kế vào phiếu và gửi trực tiếp cho GV và HS cần khảo sát. Các câu hỏi điều tra gồm câu hỏi đóng, mở, nhiều phương án lựa chọn, có nội dung dễ hiểu, rõ ràng, logic để đảm bảo tính khách quan.

Mục đích điều tra: tìm hiểu thực trạng vận dụng và đánh giá nhận thức của GV, HS về DHDTDA trong dạy học các môn KHTN thuộc các trường THPT ở TPHCM.

Đối tượng điều tra:

- 168 GV đang giảng dạy các môn KHTN (Toán học, Vật lí, Hoá học, Sinh học) ở 11 trường THPT, đó là: Sương Nguyệt Anh, Trần Quang Khải, An Lạc, Nguyễn An Ninh, Trung học Thực hành Sư phạm, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Trần Hữu Trang, Lương Thế Vinh, Gia Định, Thanh Đa, Lê Thánh Tôn.

- 944 HS lớp 11 khối KHTN ở các trường THPT, đó là: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Trần Quang Khải, Trần Hữu Trang, Trung học Thực hành Sư phạm, Sương Nguyệt Anh, Võ Thị Sáu, Lương Thế Vinh, Lê Thánh Tôn, Thanh Đa.

Nội dung điều tra:

- Đối với GV: Điều tra thực trạng vận dụng DHDTDA; thực trạng nhận thức về DHDTDA.

- Đối với HS: Điều tra thực trạng vận dụng DHDTDA; thực trạng nhận thức về DHDTDA.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Kết quả được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học.

3. Kết quả và thảo luận

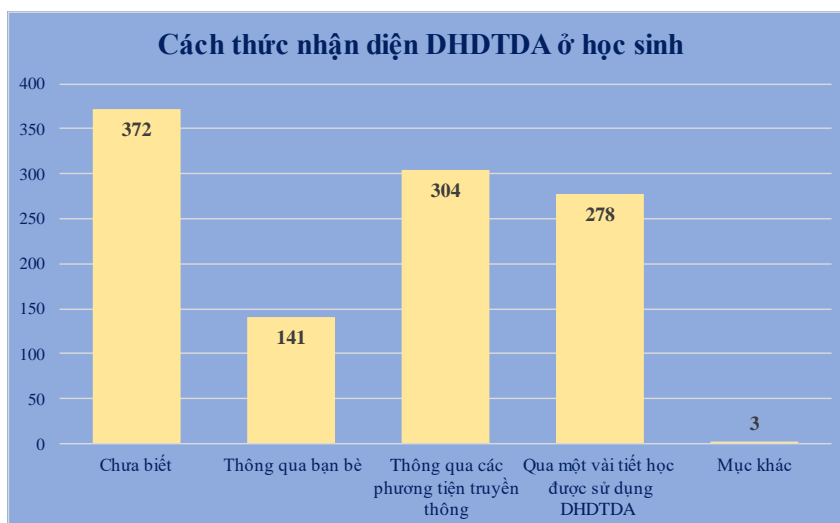
3.1. Kết quả thực trạng vận dụng DHDTDA trong dạy học các môn KHTN (Toán học, Sinh học, Hoá học, Vật lí) thuộc một số trường THPT ở TPHCM

Để đánh giá về mức độ vận dụng các phương pháp dạy học khác nhau trong các môn KHTN, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 168 GV giảng dạy các môn KHTN và 944 HS khối

11 thuộc một số trường THPT khác nhau ở TPHCM. Kết quả điều tra được thể hiện qua các bảng và biểu đồ dưới đây.

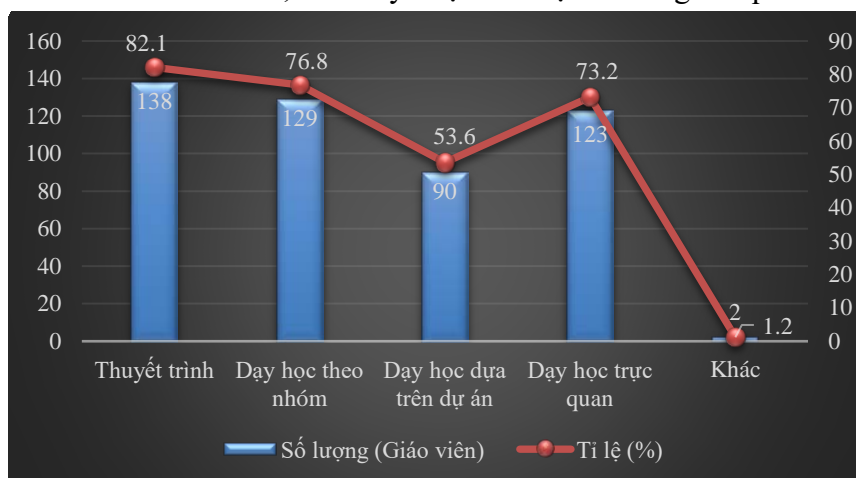
Bảng 1. Thực trạng nhận diện DHDTDA ở học sinh

Tình trạng	Số lượng (SL)	Tỉ lệ (TL) (%)
Đã biết	572	60,6%
Chưa biết	372	39,4 %



Hình 1. Cách thức nhận diện DHDTDA ở học sinh

Kết quả khảo sát cho thấy: sự chênh lệch về tình trạng nhận biết DHDTDA của HS THPT ở TPHCM. Tỉ lệ HS đã biết đến DHDTDA gần gấp đôi số HS chưa biết, cụ thể là 60,6% và 39,4%. Tuy nhiên, trên thực tế, số lượng HS đã biết thông qua các tiết học có sử dụng DHDTDA là 278 HS, chỉ chiếm khoảng 29,5%. Qua đó, chúng tôi nhận thấy được rằng mức độ được vận dụng của các em đối với DHDTDA lại tương đối thấp nếu so với mức độ nhận diện. Trong khi đó tỉ lệ vận dụng DHDTDA đối với GV lại không được đồng bộ với tỉ lệ vận dụng DHDTDA đối với HS, điều này được thể hiện rõ trong kết quả khảo sát ở Hình 2.



Hình 2. Thực trạng vận dụng các phương pháp dạy học của giáo viên

Biểu đồ Hình 2 trên cho thấy kết quả vận dụng các phương pháp dạy học khác nhau ở GV trong dạy học các môn KHTN. Theo khảo sát, chúng tôi nhận thấy phương pháp thuyết trình, dạy học theo nhóm và dạy học trực quan được GV sử dụng nhiều trong các tiết dạy, chiếm tỉ lệ lần lượt là 82,1%; 76,8% và 73,2%. Cùng với những phương pháp trên, một số GV đã kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học khác như khăn trải bàn, bàn tay nặn bột... Bên cạnh đó, DHDTDA cũng nhận được 53,6% sự lựa chọn của GV. Mặc dù, tỉ lệ áp dụng của DHDTDA còn thấp so với các phương pháp khác nhưng DHDTDA cũng đã được GV chú trọng và đưa vào vận dụng trong những tiết dạy.

3.2. Kết quả thực trạng nhận thức của GV và HS về DHDTDA

3.2.1. Nhận thức chung về DHDTDA

Để đánh giá nhận thức của GV và HS về DHDTDA trong dạy học các môn KHTN nói chung, chúng tôi tiến hành điều tra ở 168 GV giảng dạy các môn KHTN ở TPHCM. Kết quả thu được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2. Nhận thức về DHDTDA ở giáo viên và học sinh THPT

STT	Nhận thức về DHDTDA	GV		HS	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	DHDTDA là một mô hình dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực tiễn	126	75	366	42,1
2	Chủ đề của các dự án học tập (DAHT) xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp cũng như thực tiễn đời sống	119	70,8	312	35,9
3	Người học được tham gia lựa chọn những đề tài, những nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú của cá nhân	93	55,4	343	39,5
4	Trong quá trình thực hiện DAHT chủ yếu là nghiên cứu lí thuyết	11	6,5	175	20,1
5	Trong DHDTDA, người học cần tự lực và tham gia tích cực vào các giai đoạn của quá trình dạy học	108	64,3	292	33,6
6	Các DAHT thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm	88	52,4	340	39,1
7	Một HS trong nhóm, sau khi được GV hướng dẫn, có nhiệm vụ hướng dẫn các HS khác trong nhóm	28	16,7	225	25,9
8	Trong các DAHT tạo ra những sản phẩm của hoạt động thực tiễn và thực hành	96	57,1	273	31,4
9	Tạo ra môi trường học tập tương tác	78	46,4	353	40,6
10	Chưa biết	0	0	144	16,6

Thông qua kết quả ở Bảng 2 cho thấy, đối với GV và HS có sự chênh lệch trong nhận thức về DHDTDA. Đối với các quan niệm đúng như là “DHDTDA là một mô hình dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực tiễn”, cụ thể là HS chiếm 42,1%, trong khi đó, tỉ lệ của GV chọn quan niệm này gần gấp đôi so với HS (75%). Hay như là đối với các quan niệm về “Chủ đề của các DAHT xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp cũng như thực tiễn đời sống”(GV: 70,8%; HS: 35,9%); “Trong DHDTDA, người học cần tự lực và tham gia tích cực vào các giai đoạn của quá trình dạy học” (GV: 64,3%; HS: 33,6%); “Các DAHT thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm” (GV: 52,4%; HS: 39,1%); “Trong các DAHT tạo ra những sản phẩm của hoạt động thực tiễn và thực hành” (GV: 57,1%; HS: 31,4%) thì tỉ lệ chọn của GV cũng luôn chiếm gần gấp đôi so với HS. Bên cạnh đó, đối với quan niệm “DHDTDA tạo ra môi trường học tập tương tác” thì lại nhận được sự thống nhất của cả HS và GV, tuy nhiên tỉ lệ chọn lại chưa cao, chiếm lần lượt là 40,6% và 41,3%. Mặt khác, tỉ lệ chưa nhận thức và nhận thức sai về DHDTDA còn xuất hiện ở mức tương đối ở phía HS, do tỉ lệ được vận dụng DHDTDA vẫn còn thấp (đã được phân tích thông qua Hình 3). Mặc dù, vẫn còn một bộ phận GV và HS có nhận thức chưa đúng về DHDTDA, nhưng con số này chiếm tỉ lệ tương đối thấp, đây cũng là điều kiện thuận lợi để chúng tôi tiến hành đề xuất các biện pháp tổ chức DHDTDA.

3.2.2. Nhận thức về khó khăn khi thực hiện DAHT

- Giáo viên

Bảng 3. Nhận thức của GV về khó khăn khi thực hiện DAHT

STT	Khó khăn	SL	TL (%)
1	Khó thiết kế các DAHT gắn với thực tiễn và nội dung bài học	70	41,7
2	Thời gian, không gian thực hiện DAHT bị hạn chế	115	68,5
3	HS chưa có hứng thú với DHDTDA	48	28,6
4	Khó khăn trong tạo môi trường tương tác giữa các thành viên trong nhóm thực hiện DAHT	47	28
5	Khó khăn trong việc tương tác giữa GV hướng dẫn với nhóm HS thực hiện DAHT	22	13,1
6	Thiếu kinh nghiệm trong việc thực hiện các kĩ thuật, phương pháp, quy trình DHDTDA	61	36,3
7	Khó xây dựng bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm của các DAHT của HS	37	22
8	Khó quan sát, đánh giá được năng lực cụ thể của từng HS trong nhóm thực hiện DAHT	46	27,4
9	Cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để HS thực hiện các DAHT còn hạn chế	99	58,9
10	Thiếu tài liệu tham khảo	41	24,4
11	Ý kiến khác	4	2,4

Thông qua khảo sát với 168 GV dạy các môn KHTN (Toán học, Sinh học, Hoá học, Vật lý) THPT đến từ các trường ở TPHCM, đa số ý kiến cho rằng vấn đề “Thời gian, không gian thực hiện các DAHT bị hạn chế” (68,5%) và “Thiếu cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết cho HS thực hiện dự án” (58,9%) là những điều khó khăn nhất đối với GV trong việc vận dụng DHDĐTĐA. Ngoài ra, những yếu tố như “Khó thiết kế các DAHT gắn với thực tiễn và nội dung bài học” (41,7%), “Thiếu kinh nghiệm trong việc thực hiện các kỹ thuật, phương pháp, quy trình thực hiện DHDĐTĐA” (36,3%), “HS chưa thật sự có hứng thú với DHDĐTĐA” (28,6%), “Khó khăn trong tạo môi trường tương tác giữa các thành viên trong nhóm thực hiện DAHT” (28%) và “Khó quan sát và đánh giá được năng lực cụ thể của từng HS trong nhóm” (27,4%) cũng là những khó khăn không nhỏ đối với GV trong quá trình vận dụng DHDĐTĐA vào quá trình giảng dạy ở THPT. Tiếp theo là những khó khăn như “Thiếu tài liệu tham khảo” (24,4%) “Khó xây dựng bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm của các DAHT của HS” (22%), “Khó khăn trong việc tương tác giữa GVHD với nhóm HS thực hiện DAHT” (13,1%) và một số khó khăn khác.

- Học sinh

Bảng 4. Nhận thức của HS về khó khăn khi thực hiện DAHT

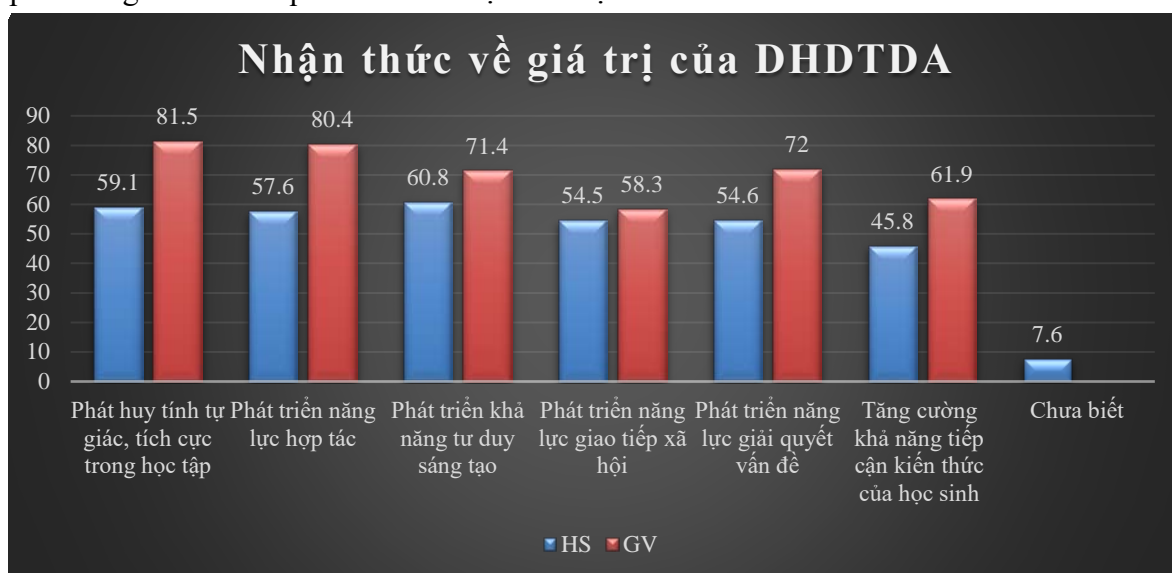
STT	Khó khăn	SL	TL (%)
1	Thời gian thực hiện các DAHT bị hạn chế	357	37,8
2	Không gian thực hiện các DAHT bị hạn chế	219	23,2
3	Ý tưởng thực hiện các DAHT còn hạn chế	342	36,2
4	Khó khăn trong tạo môi trường tương tác giữa các thành viên trong nhóm thực hiện DAHT	307	32,5
5	Khó khăn trong việc phân chia công việc cho từng thành viên	263	27,9
6	Khó đánh giá được năng lực cụ thể của từng thành viên trong nhóm thực hiện DAHT	287	30,4
7	Cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để thực hiện các DAHT còn hạn chế	327	34,6
8	Thiếu tài liệu tham khảo	249	26,3
9	Chưa biết	127	13,4

Mặt khác, đối với 944 mẫu khảo sát HS THPT thì “Thời gian thực hiện DAHT bị hạn chế” (37,8%) và “Ý tưởng thực hiện các DAHT còn hạn chế” (36,2%) là những khó khăn lớn nhất HS gặp phải trong quá trình thực hiện DAHT. Ngoài ra, HS cũng gặp nhiều vấn đề không nhỏ như “Cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để thực hiện các DAHT còn hạn chế” (34,6%), “Khó khăn trong việc tạo môi trường tương tác giữa các thành viên trong nhóm thực hiện DAHT” (32,5%), “Khó khăn trong việc đánh giá được năng lực cụ thể của từng thành viên trong nhóm” (30,4%), “Khó khăn trong việc phân công công việc cho từng thành viên” (27,9%). Đáng quan ngại là HS cũng đang gặp khó khăn về thiếu nguồn tài liệu tham khảo (26,3%) và một số khó khăn khác khiến HS băn khoăn như thiếu kinh phí thực

hiện DAHT hay thiếu nguồn nhân lực tự nguyện. Đây là những vấn đề đáng phải chú ý để đưa ra được những đề xuất phù hợp với quy trình vận dụng DHDTDA.

3.2.3. Nhận thức về giá trị của DHDTDA

Bên cạnh những thách thức vừa phân tích, DHDTDA cũng đem lại những giá trị nhất định cho cả GV và HS, đảm bảo phát triển năng lực người học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kết quả khảo sát được thể hiện Hình 3.



Hình 3. Nhận thức của GV và HS về giá trị của DHDTDA

Theo đa số ý kiến của GV cho rằng vai trò lớn nhất của việc vận dụng DHDTDA là “Phát huy tính tự giác, tích cực trong học tập” chiếm tới 81,5%. Bên cạnh đó, phương pháp này cũng có vai trò lớn trong việc “Phát triển năng lực hợp tác” (80,4%) và “Phát triển năng lực giải quyết vấn đề” của HS (72%). Thông qua khảo sát cũng cho thấy vận dụng DHDTDA cũng giúp HS “Phát triển khả năng tư duy sáng tạo” (71,4%), “Tăng cường khả năng tiếp cận kiến thức” (61,9%) và “Phát triển năng lực giao tiếp xã hội” (58,3%).

Đối với kết quả khảo sát 944 HS, phần lớn ý kiến cho rằng DHDTDA có vai trò “Phát huy tính tự giác, tích cực trong học tập” (59,1%) và “Phát triển khả năng tư duy sáng tạo” (60,8%). Kết quả khảo sát của HS về vai trò của DHDTDA cũng cho thấy rằng mô hình dạy học này giúp HS “Phát triển năng lực hợp tác” (57,6%), “Phát triển năng lực giao tiếp xã hội” (54,5%), “Phát triển năng lực giải quyết vấn đề” (54,6%) và “Tăng cường khả năng tiếp cận kiến thức” (45,8%). Ngoài ra, vẫn còn một số ý kiến khác cho rằng góp phần làm tăng khả năng lãnh đạo của HS. Tuy nhiên, phần nhỏ ý kiến chiếm 7,6% chưa biết về vai trò của DHDTDA.

Nhìn chung, cả GV và HS đều có những đánh giá rất cao về vai trò và lợi ích của DHDTDA. Điều này cho thấy sự phù hợp của mô hình dạy học này không chỉ cơ bản đáp ứng những yêu cầu của Chương trình phổ thông 2018 mà còn đáp ứng những nhu cầu phát triển năng lực khác của người học, góp phần đem lại hiệu quả học tập cao. Đây là thuận lợi

giúp DHDTDA sẽ sớm trở thành một trong những mô hình dạy học phổ biến và được yêu thích không chỉ trong các trường THPT mà còn ở các cấp học khác với những điều chỉnh thích hợp.

3.3. *Đánh giá chung*

Nhìn chung, DHDA hiện nay đã được biết đến rộng rãi. Cụ thể được thể hiện qua kết quả khảo sát trên với 60% số HS đã biết đến DHDA chủ yếu thông qua bạn bè, phương tiện truyền thông. Tuy vậy, mức độ HS được vận dụng DHDTDA trong quá trình học tập vẫn chưa cao, số HS biết qua các tiết học chỉ chiếm 29,5%, mặc dù DHDTDA được 53,6% vận dụng vào trong quá trình giảng dạy. Đối với HS, nhận thức đúng về DHDTDA vẫn còn thấp (42,1%), tỉ lệ GV nhận thức đúng DHDTDA gần gấp đôi so với HS (75%). Mặc dù ở GV đã có nhận thức đúng và đã có vận dụng DHDTDA vào trong dạy học, tuy nhiên mô hình này vẫn còn ít phổ biến so với các phương pháp khác như thuyết trình (82,1%), phương pháp dạy học theo nhóm (76,8%) và phương pháp dạy học trực quan (73,2%). Lí giải cho việc DHDTDA chưa được các GV chọn là phương pháp hàng đầu trong quá trình giảng dạy là do những khó khăn mà GV gặp phải trong quá trình thực hiện. Cụ thể, ở GV, vấn đề về thời gian, không gian thực hiện DAHT bị hạn chế (68,5%) khiến quá trình vận dụng DHDTDA bị hạn chế, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để HS thực hiện các DAHT cũng còn chưa đảm bảo (58,9%). Về phía HS, việc thực hiện dự án cũng gặp nhiều khó khăn trở ngại với các em mối quan ngại về thời gian thực hiện dự án (37,8%) cũng là mối lo lắng hàng đầu. Đồng thời khó khăn trong việc lên ý tưởng để thực hiện các DAHT (36,2%) đối với HS vẫn còn hạn chế.

Kết quả điều tra cho thấy, GV và HS đã có nhận thức đúng đắn về DHDTDA. GV cũng đã bước đầu đổi mới về phương pháp dạy học, phương pháp dạy học truyền thống được thay bằng những phương pháp dạy học tích cực để tạo môi trường học tập tốt cho HS. Đối với DHDTDA, mặc dù chưa nhiều so với các phương pháp khác như: thuyết trình, trực quan nhưng tỉ lệ GV vận dụng DHDTDA cũng tương đối nhiều so với nhiều phương pháp dạy học khác (53,6%). Đây sẽ là bước tiến để GV tiếp tục xây dựng các kế hoạch tổ chức dự án phù hợp, cách triển khai dự án cách khoa học để nâng cao được chất lượng dạy học ở các môn KHTN, tạo sự hứng thú, môi trường học tập năng động, sáng tạo giúp đảm bảo HS lĩnh hội được các kiến thức đồng thời phát triển các năng lực chung.

4. *Kết luận*

Đề tài thực hiện với mục tiêu tìm hiểu thực trạng vận dụng và đánh giá nhận thức của GV, HS về DHDTDA trong dạy học các môn KHTN ở trường THPT ở TPHCM, trên cơ sở đó xác định luận cứ thực tiễn cho các nghiên cứu đề xuất quy trình thiết kế DAHT và tổ chức DHDTDA phù hợp. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh DHDTDA là một trong những phương pháp được GV lựa chọn vận dụng trong quá trình giảng dạy. Đây là phương pháp dạy học tích cực và tạo ra cảm giác mới mẻ, tạo hứng thú trong học tập cho HS. DHDTDA có tác dụng hình thành và phát triển nhiều năng lực khác nhau cho HS và năng lực hợp tác

và giải quyết vấn đề là một trong số đó. Trong quá trình thực hiện dự án giúp HS nâng cao được các năng lực chung bên cạnh lĩnh hội các tri thức. Qua đó, nghiên cứu xác định vấn đề cốt lõi của DHDTDA là phải xây dựng được DAHT. DAHT phải gắn liền với nội dung bài học và gắn liền với thực tiễn. Cần xây dựng được kế hoạch dự án khoa học, hợp lí. Đây cũng là khó khăn mà GV và HS đang gặp phải trong quá trình thực hiện DHDTDA.

Những số liệu này sẽ là cơ sở thực tiễn để tiếp tục đề xuất các biện pháp khắc phục các khó khăn, đồng thời tổ chức hiệu quả DHDTDA trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đáp ứng được các yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục mới.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dinh, Q. B. (2016). *Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông – những vấn đề đặt ra và giải pháp* [Innovating general education curriculum and textbooks – problems and solutions]. *Journal of Science - Dong Nai University*.
- Kokotsaki, D., Menzies, V., & Wiggins, A. (2016). Project-based learning: A review of the literature. *Improving Schools, 19*(3), 267-277. <https://doi.org/10.1177/1365480216659733>
- Lavli, R., & Efendi, N. (2024). Effect of Project Based Learning Model on Creative Thinking Ability. *Jurnal Ilmu Pendidikan (JIP) STKIP Kusuma Negara, 15*, 115-126. <https://doi.org/10.37640/jip.v15i2.1804>
- Ministry of Education and Training. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* [General education program - Comprehensive program]. Issued together with Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT dated December 26, 2018 of the Minister of Education and Training.
- Nguyen, V. T., & Tran, V. C. (2020). *Thực trạng tổ chức hoạt động dạy học theo dự án trong dạy học môn Toán cao cấp cho sinh viên ngành Kỹ thuật ở các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội* [Current situation of organizing project-based learning activities in teaching Advanced Mathematics for Engineering students at universities in Hanoi]. *Journal of Education, 472*(2), 44-49.
- Trinh, V. B., Phan, D. C. T., & Trinh, L. H. P. (2011). *Dạy học dự án – từ lý luận đến thực tiễn* [Project-based learning - from theory to practice]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 28*.

**A STUDY ON THE APPLICATION OF PROJECT-BASED LEARNING
IN HIGH SCHOOLS IN HO CHI MINH CITY**

*Duong Gia Thinh, Truong Ngoc Khanh Vy, Bui Hai Ngan,
Trinh Thi Phuong Dung, Nguyen Ha Anh Lan*, Dang Huyen Tran, Tong Xuan Tam*

Ho Chi Minh University of Education, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Ha Anh Lan – Email: lannguyenha2000@gmail.com*

Received: April 18, 2024; Revised: May 21, 2024; Accepted: May 22, 2024

ABSTRACT

This study employed a survey to investigate the current implementation of project-based learning (PBL) in high schools in Ho Chi Minh City. The research sample comprised 168 teachers and 944 students. The survey results revealed a significant discrepancy between the proportion of students who reported awareness of PBL through classroom instruction and the proportion of teachers who reported incorporating PBL into their teaching practices. Despite this gap, both groups demonstrated a sound conceptual understanding of PBL and shared congruent perspectives on the challenges and complexities associated with its implementation in the high school context. Notably, teachers and students alike expressed a high degree of appreciation for the potential of PBL to foster the development of key competencies and capacities among learners, particularly those competencies emphasized in the 2018 general education curriculum. The findings of this study provide an evidential basis for solutions to overcome challenges and effectively carry out project-based learning in high schools to meet requirements of the modern society.

Keywords: competencies development; high school; teaching method; project-based learning